

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Quang Dưỡng và bà Lê Thị Thúy Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Quảng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; Nơi cư trú: ấp Q, xã H, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1977; Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện TP, tỉnh Quảng Trị.

Các bên đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2023 và đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thì nội dung vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu H yêu nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng kí kết hôn tại UBND xã Triệu T, huyện TP, tỉnh Quảng Trị vào ngày 11/3/2000. Sau khi kết hôn 02 vợ chồng sinh sống với nhau tại nhà bố, mẹ chồng ở thôn L, xã T, huyện TP, tỉnh Quảng Trị. Quá trình sống với nhau đến năm 2011 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là chính là do ông H hay rượu chè về nhà chửi bới, đánh đập bà H một cách vô cớ. Vì con nhỏ nên bà H cứ nhẫn nhịn từ năm này qua năm khác. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng đỉnh điểm những tháng đầu năm 2013, ông H nhiều lần đánh đập bà H nên vào tháng 7 năm 2013, bà H đã bỏ nhà đi lúc nửa đêm để thoát khỏi sự đánh đập của ông H. Từ năm 2013 đến nay bà H sống ở miền Nam và hiện tại sinh sống tại địa chỉ ấp Đ, xã H, huyện TB, tỉnh Đồng Nai mà không trở về nữa. Từ ngày bỏ đi đến nay bà H và ông H không liên lạc gì với nhau

cả. Tình cảm vợ chồng không có tiến triển gì, hôn nhân không đạt được mục đích, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên bà Hương làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H càng sớm càng tốt.

Về con chung: bà H và ông H có ba người con chung là cháu Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2002, hiện tại cháu G đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, sống tự lập nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2009, cháu Nguyễn Hữu Huy H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2011, hiện tại cháu H và cháu H đang học tập tại Trường trung học cơ sở T, huyện Triệu Phong. Khi ly hôn bà H có nguyện vọng giao cháu Nguyễn Hữu H và cháu Nguyễn Hữu Huy H cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì hai cháu H và H đã sống với ông H đã lâu và hiện tại đang học tập ổn định tại địa phương. Bà Hương xin cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Hữu Huy H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2011 mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại đơn trình bày ý kiến và đề nghị xét xử vắng mặt ngày 01/6/2023 và ngày 26/6/2023, ông H trình bày ý kiến với nội dung như sau: Ông H và bà H kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện TP, tỉnh Quảng Trị vào ngày 11/3/2000. Sau khi kết hôn 02 vợ chồng sinh sống với nhau tại nhà bố, mẹ ông ở thôn L, xã T, huyện TP, tỉnh Quảng Trị. Quá trình sống với nhau đến năm 2011 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tháng 7/2013 bà H đã bỏ nhà đi lúc nửa đêm vào Miền nam sinh sống. Từ ngày bỏ đi đến nay bà H và ông H không liên lạc gì với nhau cả. Tình cảm vợ chồng không có tiến triển gì, hôn nhân không đạt được mục đích, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nay bà H làm đơn xin ly hôn thì ông H cũng đồng ý.

Về con chung: Ông H và bà H có ba người con chung là cháu Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2002 hiện tại cháu G đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, sống tự lập nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với hai cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2009, cháu Nguyễn Hữu Huy H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2011, hiện tại cháu H và cháu H đang học tập tại Trường trung học cơ sở Triệu T, huyện TP. Khi ly hôn ông H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2009 và cháu Nguyễn Hữu Huy H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2011, vì hai cháu H, H sống với ông H đã lâu và hiện tại đang học tập ổn định tại địa phương. Ông H đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con chung bà H đưa ra đối với cháu Nguyễn Hữu Huy H là mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đồng thời, ông H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông vì lý do công việc nên không thể đến Tòa án để giải quyết, ông không có khiếu nại gì.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà H được ly hôn với ông H; về con chung: áp dụng Điều 81, 107, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2009, cháu Nguyễn Hữu Huy H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2011 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà H cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Hữu Huy H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2011 mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H đến tuổi thành niên và có khả năng lao động; Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét; về án phí: bà H chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả công bố tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Nguyễn Hữu H theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 13 tháng 3 năm 2023, Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, nguyên đơn. Sau khi tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông H nhưng ông H không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Ngày 08/5/2023, Tòa án ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 12/5/2023 và tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự. Ngày 12/5/2023, Tòa án tổ chức phiên họp, kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Hữu H vắng mặt nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ được có sự chứng kiến của bà H. Ngày 19/5/2023, Tòa án ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 2) vào ngày 26/5/2023. Ngày 26/5/2023, Tòa án tổ chức phiên họp lần 2 nhưng ông Nguyễn Hữu H vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ có sự chứng kiến của bà H. Ngày 26 tháng 5 năm 2023, Tòa án ra thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tổng đạt hợp lệ cho ông H. Ngày 01/6/2023, bị đơn ông H có ý kiến trình bày về việc bà H khởi kiện xin ly hôn ông H, đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông H. Ngày 01/6/2023, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử thì vụ án được xét xử vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 19/6/2023.

Tại phiên tòa ngày 19/6/2023, nguyên đơn bà H vắng mặt không có lý do, ông H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lần hai vào ngày 30/6/2023. Ngày 29/6/2023, Tòa án

nhận được đơn của bà H, theo đó bà H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà. Do nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hữu H yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện TP, tỉnh Quảng Trị vào ngày 11/3/2000 theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống tại thôn L, xã T, huyện TP, tỉnh Quảng Trị. Theo đơn trình bày của cả hai đương sự thì nguyên nhân ly hôn là vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống của hai người khác nhau nên dẫn đến mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, dẫn đến việc tháng 7/2013 bà H đã bỏ nhà đi lúc nửa đêm vào Miền nam sinh sống. Từ ngày bỏ đi đến nay bà H và ông H không liên lạc gì với nhau cả. Vì vậy, bà H muốn ly hôn ông H để mỗi người tự lo cuộc sống của nhau. Tại bản trình bày ý kiến ngày 01/6/2023 của ông H thì ông H cũng đồng ý về nguyên nhân mâu thuẫn như bà H trình bày và ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định tình trạng hôn nhân của ông H và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ cho bà H được ly hôn với ông H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hữu H có ba người con chung là cháu Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2002 hiện tại cháu Giang đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, sống tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với hai cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2009 và cháu Nguyễn Hữu Huy H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2011, hiện tại cháu H và cháu H đang học tập tại Trường trung học cơ sở T, huyện TP. Trong đơn khởi kiện và Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của bà H thì bà H có nguyện vọng được giao cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2009 và cháu Nguyễn Hữu Huy H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2011 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Trong đơn trình bày ý kiến của ông H ngày 01/6/2023, ông H cũng đồng ý với ý kiến của bà H về việc nuôi con chung vì hai cháu H, H sống với ông H đã lâu. Ngoài ra trong đơn trình bày ý kiến của cháu H và cháu H ngày 01/6/2023 và Tòa án hỏi ý kiến của hai cháu thì hai cháu đều đồng ý ở với ông H. Ý kiến của các đương sự và ý kiến của hai cháu H và H phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình nên căn cứ cho ông H được trực tiếp nuôi cả hai cháu H và H. Bà H xin cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Hữu Huy H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2011 mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Mức cấp dưỡng bà H đưa ra được ông H đồng ý tại đơn trình bày ý kiến ngày 26/6/2023 và mức cấp dưỡng này cũng phù hợp với điều kiện khả năng của bà H và quy định tại Điều 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này theo quy định tại Điều 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà Nguyễn Thị H nộp đơn ly hôn, cấp dưỡng nuôi con định kỳ nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, xử:

- Về tình cảm: xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Hữu H.

- Về con chung: xử giao cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2009, cháu Nguyễn Hữu Huy H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2011 cho ông Nguyễn Hữu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Hữu Huy H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2011 mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000376 ngày

01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (bà H còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con).

Nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- CCTHADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Triệu Tài;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Đăng Khoa